TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quan Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Hứa Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Quan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang do hai bên tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã T, huyện C đến khoảng năm 2018 thì chuyển về sinh sống tại thôn L, xã T, huyện C vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, chơi bời, không chịu khó làm ăn, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị gánh vác. Sau khi uống rượu say anh T mắng chửi, ghen tuông, dọa nạt đánh chị làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của bản thân và ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con. Chị đã nhờ gia đình khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, đến đầu năm 2024 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chị và anh T đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là cháu Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Hứa Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn T và chị Quan Thị H kết hôn vào năm 2010 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chung sống cùng nhau tại thôn P, xã T, huyện C được một thời gian thì chuyển về sinh sống tại thôn L, xã T, huyện C cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì chị H có quan hệ bất chính với người khác, anh đã khuyên bảo chị H, chị H xin lỗi, anh đã tha thứ cho chị H, sau đó vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau bình thường. Đến đầu năm 2023 chị H tiếp tục có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung hết sức căng thẳng anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là cháu Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011, hiện nay cháu K đang sống cùng anh, khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu K, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký thường trú tại thôn L, xã T, huyện C. Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã T được một thời gian thì vợ chồng chuyển đến sinh sống tại thôn L, xã T, huyện C, chị H không cắt chuyển khẩu về thôn L, xã T, huyện C, hộ khẩu chị H vẫn ở xã T. Quá trình sinh sống ở địa phương anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, mọi việc đều do chị H gánh vác, chị H đi làm công ty ở ngoài địa phương thường xuyên gửi tiền về cho anh T chăm lo cho gia đình và con cái. Đến khoảng năm 2020, 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên thời gian sau lại khắc phục được mâu thuẫn tiếp tục chung sống cùng nhau. Đến khoảng đầu năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng chị H không về chung sống cùng anh T nữa, vợ chồng sống ly thân đến nay. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên là Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011, hiện nay cháu K đang sống cùng anh T.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 31/7/2024 cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quan Thị H, cho chị Quan Thị H được ly hôn với anh Hứa Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011 cho chị Quan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Hứa Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đều xác định không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Quan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Hứa Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Quan Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hứa Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Tại phiên tòa chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quan điểm của chị H thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè, không chịu khó làm ăn, mọi việc trong nhà đều do chị gánh vác, sau khi uống rượu anh T ghen tuông, chửi bới, dọa nạt, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Còn theo anh Hứa Văn Thầm t do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ năm 2017, anh đã khuyên bảo và tha thứ nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được, đến đầu năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù có mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn và bị đơn về thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H, anh T đã không tồn tại; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quan Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Hứa Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T có một con chung là cháu Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011. Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K;

tại biên bản ghi ý kiến của cháu K, cháu K không mong muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu bố mẹ phải ly hôn cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh T thuộc diện hộ nghèo của xã T, không có nghề nghiệp ổn định; chị H có nghề nghiệp làm công nhân, thu nhập bình quân hằng tháng là 10.000.000 đồng, xét về khả năng kinh tế hiện tại thì Hội đồng xét xử xét thấy rằng chị H có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, bên cạnh đó cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần tôn trọng ý kiến của cháu K. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị Quan Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quan Thị H và anh Hứa Văn T đều xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Quan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hứa Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[*4] Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Quan Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quan Thị H được ly hôn với anh Hứa Văn T *(Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 12 tháng 3 năm 2010 tại UBND T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Về con chung: Giao cháu Hứa Trung K, sinh ngày 16/01/2011 cho chị Quan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hứa Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Quan Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001457672, ngày 09/7/2024 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000561, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Chị Quan Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hứa Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Tú